

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 472/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 07 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg
ngày 09/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 671/SNN-KHTC ngày 22/6/2015 và Văn bản số 868/SNN-KHTC ngày 05/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/04/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T.H*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Thường trực Tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, VHXX, CNXD, NC, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Xuân Liên

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/04/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~472~~ 472/QĐ-UBND, ngày 07/8/2015
của UBND tỉnh Gia Lai)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Tiếp tục quán triệt sâu rộng và triển khai có hiệu quả tới các cấp, ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về nội dung Nghị quyết Trung ương 7 khóa X; Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/04/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động; xác định nông nghiệp, nông dân, nông thôn là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đi đôi với xây dựng nông thôn mới.

Xác định nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Mục tiêu của quá trình phát triển là không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, coi phát triển sản xuất nông nghiệp là then chốt, xây dựng nông thôn mới là căn bản, nông dân giữ vai trò chủ thể trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2. Yêu cầu:

Chính quyền các cấp, các sở, ban, ngành và toàn thể nhân dân căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương tích cực, chủ động triển khai các nội dung Kế hoạch của UBND tỉnh đề ra. Xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cơ quan, đơn vị, địa phương, triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo thời gian, chất lượng, thiết thực và hiệu quả.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CẢN TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2020

1. Mục tiêu:

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông, lâm, thủy sản năm 2015 tăng 9,7 % so với năm 2014; giai đoạn (2016 - 2020) đạt bình quân 5,5%/năm (theo giá so sánh 2010) gắn với chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành theo

hướng tăng tỷ trọng đóng góp của chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp và dịch vụ nông nghiệp; sản lượng lương thực đạt 650.240 tấn (trong đó lúa đạt 384.240 tấn) đảm bảo vững chắc an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao và đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,8%/năm; đến năm 2020 giảm còn 2,68% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015); tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 55 %; nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 40%; tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế là 61,3% và đạt 8 bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%; độ che phủ rừng đạt 46,6% (bao gồm cả cây cao su); đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn đáp ứng yêu cầu phòng chống lũ, nâng cao năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai; ngăn chặn, xử lý có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường nông thôn, 100% chất thải sinh hoạt được thu gom, xử lý; Tập trung giải quyết tốt các vấn đề về an ninh xã hội, giữ vững, ổn định chính trị, xã hội ở nông thôn.

- Phân đầu đến cuối năm 2015 có 22 xã và đến năm 2020 có khoảng 75 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện để nâng dần các tiêu chí của các xã còn lại trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Nhiệm vụ và giải pháp:

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới là một chủ trương lớn, cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để đưa Nghị quyết, Kết luận, chương trình đi vào cuộc sống và đạt được các mục tiêu đã đề ra. Vì vậy, cần tập trung thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ và giải pháp sau:

2.1. Tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền:

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh đến cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo sự thống nhất về quan điểm, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp, có tính khả thi trong thực hiện.

- Xác định quan hệ giữa nông nghiệp - nông dân - nông thôn phải gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ; tạo mối quan hệ khăng khít giữa kinh tế đô thị và khu vực nông thôn nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường và sinh thái.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa với quy mô tập trung trên cơ sở thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở thực hiện quy hoạch nông thôn gắn với quy hoạch nông nghiệp, đô thị; nâng cao vai trò làm chủ của người nông dân; chú trọng xây dựng và phát triển, nâng cao trình độ của người nông dân.

2.2. Phát triển ngành nông nghiệp trên cơ sở thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp:

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch:

- Triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy hoạch ngành nông nghiệp đã được phê duyệt; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, nhất là sự kết hợp giữa quy hoạch vùng, lãnh thổ với quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thực hiện công khai, minh bạch đối với các loại quy hoạch.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đảm bảo tính liên kết vùng tỉnh, vùng huyện và các quy hoạch chuyên ngành khác gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Phát triển nông thôn hài hòa với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa, bảo vệ cảnh quan môi trường.

b) Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn:

- Tập trung chỉ đạo triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Gia Lai đến năm 2020; xây dựng các chương trình, dự án trọng điểm nhằm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2020; chủ động rà soát, xác định lợi thế, thế mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị sản phẩm gắn với thị trường tiêu thụ, phát huy hiệu quả của chính sách phát triển nông nghiệp.

- Chuyển dịch kinh tế nông thôn theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, gắn với các hình thức tổ chức phù hợp; xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao, v.v... cụ thể:

- **Về Trồng trọt:** Tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tập trung gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, đặc biệt là các cây trồng lợi thế gồm cao su, cà phê, tiêu, sắn, mía, ngô, đậu đỗ và các loại nông sản hàng hóa khác. Đẩy mạnh áp dụng và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất, cánh đồng lớn, tưới tiết kiệm nước theo công nghệ Israel, ứng dụng công nghệ cao theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, nhất là đưa các giống mới có năng suất và chất lượng cao, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành gắn với công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến sâu và bảo quản sau thu hoạch theo hướng hiện đại, giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ sinh học vào sản xuất nhằm phát triển một số giống cây trồng có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn chế sâu bệnh, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm thiểu việc sử

dụng phân bón vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật nhằm phát triển nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường. Xây dựng, triển khai có hiệu quả chương trình nông nghiệp cận đô thị, tạo tiền đề xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- **Về Chăn nuôi:** Chuyển đổi mạnh sản xuất chăn nuôi sang hình thức trang trại, gia trại theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp có kiểm soát an toàn dịch bệnh và môi trường; gắn quy hoạch phát triển chăn nuôi với hệ thống giết mổ, chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ. Chuyển giao nhanh công nghệ chăn nuôi theo hướng an toàn để phát triển chăn nuôi bền vững, khuyến khích áp dụng công nghệ cao, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn, đến chế biến để nâng cao năng suất, giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng; thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ phát triển theo hướng cạnh tranh và bảo vệ môi trường sinh thái; chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài vật nuôi có giá trị kinh tế, nhu cầu tiêu thụ lớn, có thị trường ổn định để nâng cao thu nhập cho người trực tiếp chăn nuôi, đảm bảo cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định.

- **Về Lâm nghiệp:** Phát triển ngành lâm nghiệp tỉnh Gia Lai bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Cụ thể là nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm và dịch vụ môi trường rừng; tăng độ che phủ lên 46,6%; huy động các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách và từ các nguồn vốn khác để đầu tư cho bảo vệ, phát triển rừng; tập trung phát triển và tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng của tỉnh, phát triển trồng rừng sản xuất thành một lĩnh vực có vị thế quan trọng đem lại việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân làm nghề rừng; cải thiện sinh kế cho cộng đồng các dân tộc thiểu số và những đối tượng khác được hưởng lợi thông qua dịch vụ môi trường rừng; tiếp tục thực hiện giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho người dân. Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng, chú trọng trồng rừng gỗ lớn nhằm tạo vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu, giảm dần nhập khẩu gỗ nguyên liệu. Quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên.

- **Về Thủy sản:** Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo điều kiện của từng vùng; tập trung phát triển sản xuất giống thủy sản có giá trị kinh tế; ưu tiên nguồn lực đầu tư để sắp xếp, bố trí các trạm sản xuất giống thủy sản tại các địa phương có tiềm năng; tăng cường đầu tư thâm canh, áp dụng công nghệ cao, quy trình thực hành nuôi tốt (GAP) để nâng cao năng suất, chất lượng các đối tượng nuôi truyền thống (Trắm cỏ, Trắm đen, Chép, Mè trắng, Mè hoa, Rô phi...) và một số loài có giá trị kinh tế (Điêu hồng, Rô đầu vuông, Lãng nha đuôi đỏ, cá tầm, cá hồi...). Bên cạnh việc duy trì, ổn định sản lượng các giống nuôi trồng truyền thống cần tập trung nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sinh sản nhân tạo một số loài cá quý hiếm, các loại thủy đặc sản có giá trị kinh tế; xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách phát triển thủy sản phù hợp với địa phương để tận dụng và phát huy tốt diện tích mặt nước tại các hồ chứa thủy lợi, thủy điện, sông,

suối, hồ tự nhiên. Đồng thời, triển khai nhiều biện pháp khác nhau để thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- **Về Thủy lợi:** Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện đề án tái cơ cấu ngành thủy lợi tỉnh Gia Lai nhằm phát triển thủy lợi đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường làm cơ sở để phát triển nông nghiệp bền vững, theo hướng hiện đại hoá, thâm canh cao, góp phần phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu và hài hòa lợi ích giữa các vùng, các ngành.

- **Về tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại; xây dựng thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp:** Quan tâm các sản phẩm như cao su, cà phê, tiêu, đường, tinh bột sắn, bò thịt, bò sữa, sản phẩm làng nghề... để nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của hàng hóa nông nghiệp; tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát, quản lý chất lượng sản phẩm nông sản, hạn chế việc nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp trong nước sản xuất được; khuyến khích nhân rộng mô hình kiểm soát, quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi, áp dụng triệt để các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, ISO, v.v... Phát triển các loại hình công nghiệp, dịch vụ, sử dụng nguyên liệu tại chỗ ở nông thôn: chế biến lâm sản, thực phẩm, thức ăn gia súc, vật liệu xây dựng... Có chiến lược, chính sách khuyến khích, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã trong nông nghiệp, nông thôn nhằm gắn kết sản xuất với thị trường, tạo sự hài hòa, bền vững trong chuỗi giá trị nông nghiệp.

c) Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản:

- Tăng cường nguồn lực cho công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, coi đây là khâu đột phá đặc biệt quan trọng để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nhất là khâu giống, biện pháp thâm canh, sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp từ khâu sản xuất đến bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản, đồng thời mở rộng việc xây dựng cánh đồng lớn trên một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh như: mía, ngô, sắn, cao su, cà phê, điều, lúa, hoa, rau đậu các loại... nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm; tạo điều kiện phát triển các lĩnh vực sản xuất với khả năng cạnh tranh được nâng cao.

- Đổi mới cơ chế tài chính và quản lý khoa học; khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của các doanh nghiệp vào nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nâng cao năng lực, tạo sự chuyển biến rõ nét trong chuyên gia tiến bộ kỹ thuật.

2.3. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, chú trọng nâng cao đời sống vật chất văn hóa, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là các vùng còn nhiều khó khăn:

- Thực hiện xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Phấn đấu đến hết năm 2015 có 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đến 2020 có 75 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Huy động mạnh mẽ các nguồn lực toàn xã hội để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đáp ứng yêu cầu và từng bước hiện đại. Từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát huy dân chủ của nhân dân. Ưu tiên đầu tư phát triển y tế, giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển hệ thống an ninh xã hội ở nông thôn. Thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế, chính sách dân số, chính sách trợ giúp pháp lý. Đến năm 2020: tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở đạt 91,5%; có 61,3% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 80% dân số; GRDP bình quân đầu người đạt 61,9 triệu đồng/người/năm, bằng 82,3% so với cả nước.

- Củng cố và đổi mới hoạt động của thành phần kinh tế hợp tác, phát triển đa dạng các hình thức sản xuất ở nông thôn. Tạo cơ chế thuận lợi cho kinh tế tập thể, kinh tế hộ, kinh tế trang trại và doanh nghiệp ở nông thôn phát triển.

- rà soát các cơ chế chính sách hiện có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh; vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách của Trung ương, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương, phù hợp với chính sách hiện hành để xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2.4. Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, củng cố, phát huy và nâng cao vị trí, vai trò, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã:

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX và Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể gắn với triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012. Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của kinh tế tập thể, hợp tác xã, trang trại, gia trại với các hình thức sản xuất, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Sớm hoàn thành việc chuyển đổi các Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Luật Hợp tác xã năm 2012; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền để giúp các Hợp tác xã tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện để tổ chức hoạt động có hiệu quả.

- Xây dựng và có biện pháp hỗ trợ, nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả. Chú trọng phát triển các loại hình kinh tế hợp tác hoạt động sản xuất chuyên ngành gắn với cung ứng dịch vụ nông nghiệp tổng hợp theo chuỗi giá trị sản phẩm từ cung cấp dịch vụ đầu vào đến chế biến và phát triển thị trường, hỗ trợ tín dụng nội bộ cho các thành viên. Đổi mới các hình thức kinh tế hợp tác, đẩy mạnh hình thức liên kết tổ chức sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản theo hướng liên kết “4 nhà”.

- Quán triệt, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 12/03/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp. Phối hợp, tạo

điều kiện phát triển các công ty, doanh nghiệp nhà nước đóng chân trên địa bàn tỉnh thành trung tâm liên kết sản xuất, nông, lâm nghiệp, trung tâm kinh tế và khoa học công nghệ; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh gắn với chế biến và thị trường, phù hợp với quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp.

2.5. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 755/QĐ-UBND, ngày 09/11/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 của tỉnh Gia Lai. Chú trọng ưu tiên đào tạo các nghề phục vụ trực tiếp các chương trình nông nghiệp trọng điểm của tỉnh, các ngành, nghề chính, thiết thực theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

- Đổi mới phương pháp, hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới; nhân rộng các mô hình tốt trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Rà soát, điều chỉnh chính sách về đào tạo nghề, trong đó ưu tiên hỗ trợ dạy nghề cho người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi, người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người bị thu hồi đất nông nghiệp. Đồng thời, lồng ghép và huy động các nguồn lực để dạy nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn. Đào tạo nghề nông thôn phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế hàng hóa, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phân công lại lao động nông thôn và chú trọng công tác xóa đói, giảm nghèo.

2.6. Đổi mới cơ chế, chính sách, huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Chủ động nghiên cứu, cụ thể hóa và hướng dẫn đầy đủ, đồng bộ các chính sách, huy động các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; rà soát và ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh liên quan đến nông nghiệp, nông thôn (theo chỉ đạo và hướng dẫn của Trung ương), nhất là các chính sách liên quan đến đất đai, đầu tư, tài chính, tín dụng, bảo hiểm, đào tạo nghề, bảo vệ và phát triển đất trồng lúa,... nhằm tạo môi trường minh bạch, thuận lợi cho nông dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

a) Chính sách đất đai:

- Tiếp tục đổi mới cơ chế sử dụng đất. Rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử đất của tỉnh cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn; bảo vệ đất lúa nhưng cho phép thay đổi linh hoạt mục đích sử dụng giữa lúa và các cây trồng khác.

- Triển khai chính sách bảo vệ đất nông nghiệp và quyền lợi của nông dân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Hạn chế việc thu hồi đất nông nghiệp cho các mục đích khác. Khi tiến hành thu hồi đất cho mục đích phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng và

dịch vụ công... sẽ có chính sách hỗ trợ đảm bảo lợi ích chính đáng của người quản lý sử dụng đất, có các phương án sử dụng lớp đất mặt và các vấn đề liên quan theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục chuyển nhượng, thuê mướn đất nông nghiệp, khuyến khích tích tụ tập trung ruộng đất.

b) Chính sách tài chính, tiền tệ:

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, ban hành các chính sách theo quy định, hướng dẫn của Trung ương nhằm huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp và của nông dân, đầu tư mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mở rộng hình thức hợp tác công tư để phát triển sản xuất và xây dựng hạ tầng kinh tế-xã hội ở nông thôn.

- Thực hiện ưu đãi thuế giá trị gia tăng đối với vật tư đầu vào của sản xuất nông nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Có chính sách ưu đãi để khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo đúng quy định pháp luật.

- Cân đối, tăng hợp lý tỷ trọng vốn đầu tư của ngân sách Trung ương, địa phương phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục ưu tiên dành vốn tín dụng cho các khu vực nông nghiệp và nông thôn. Tăng thêm hỗ trợ cho vay qua Ngân hàng Chính sách Xã hội đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo. Đa dạng hóa các nguồn cung cấp tín dụng, đổi mới cơ chế, thủ tục để nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tiếp cận tín dụng thuận lợi. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế tín dụng đối với nông nghiệp, tăng cường cho vay hộ gia đình với số lượng lớn hơn và cho vay theo tín chấp nhiều hơn, triển khai cho vay đối với hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi khép kín từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh, sức cạnh tranh cao.

c) Chính sách thương mại:

- Nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại hàng nông sản; áp dụng thuế xuất khẩu để hạn chế xuất khẩu nông sản thô, sản phẩm sơ chế không khuyến khích xuất khẩu.

- Áp dụng linh hoạt các chính sách về thương mại, các biện pháp kỹ thuật liên quan đến thương mại hàng nông sản trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại để thúc đẩy tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp sản xuất nông sản, mở rộng đầu ra cho nông sản của tỉnh.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo thông tin thị trường vật tư nông nghiệp và các sản phẩm nông nghiệp theo định kỳ; kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng nông, lâm, thủy sản.

- Xây dựng quy hoạch, phát triển hạ tầng thương mại (chợ đầu mối, hệ thống bán buôn, bán lẻ, cửa hàng tiện lợi... để thúc đẩy tiêu thụ nội tỉnh đối với

các sản phẩm nông, lâm, thủy sản; tiếp tục thực hiện sâu rộng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

2.7. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực hiệu lực quản lý Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn:

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trước hết là cải cách thủ tục hành chính trong ngành nông nghiệp, nông thôn; tăng cường tính công khai, minh bạch quy hoạch, chính sách, quy định quản lý ngành, lĩnh vực; liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư, người sản xuất tại các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và cung cấp các dịch vụ công, tạo thuận lợi nhất cho tổ chức, công dân trong quan hệ, giao dịch với cơ quan Nhà nước.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn các cấp; đẩy mạnh phân công, phân cấp trách nhiệm gắn với quyền hạn quản lý Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn ở từng cấp. Kịp thời rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị quản lý Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện để khắc phục việc quản lý chồng chéo gắn với sắp xếp lại tổ chức, biên chế phù hợp chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Nâng cao năng lực, trách nhiệm thực thi công vụ của các chi cục quản lý chuyên ngành, trước hết là lực lượng thanh tra chuyên ngành; củng cố, nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp, có cơ chế hoạt động phù hợp để khuyến khích đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phát huy năng lực nghiên cứu, sáng tạo, đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nhất là cán bộ ở cơ sở.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp, các ngành:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai Kế hoạch này, bảo đảm kịp thời, hiệu quả, phù hợp tình hình thực tế. Phân công trách nhiệm các cơ quan chuyên môn tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện; nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án... đã được phê duyệt có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Trên cơ sở Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/04/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tiến hành xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện triển khai Kế hoạch cấp huyện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí, đảm bảo nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện các nội dung Kế hoạch này.

4. Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai và các cơ quan thông tin truyền thông: Xây dựng nội dung tuyên truyền về Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/04/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai; tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Nông nghiệp và PTNT: Là cơ quan Thường trực, chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/04/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổ chức đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo cho UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh các nhiệm vụ mới hoặc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch thì các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo, đề xuất cho UBND tỉnh để xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/04/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, yêu cầu các cấp, các ngành, các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện. *TĐ*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Xuân Liên

**DANH MỤC
NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA UBND TỈNH VỀ NÔNG
NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 07/8/2015
của UBND tỉnh Gia Lai)



Thứ tự	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện (Năm)
I	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập mới Quy hoạch			
1	Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch trồng trọt gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (trong đó bổ sung quy hoạch diện tích trồng cỏ phục vụ phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh).	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2015-2016
2	Quy hoạch phát triển Cánh đồng lớn một số cây trồng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2015-2016
3	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi vừa và nhỏ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016
4	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy sản tỉnh Gia Lai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2015-2016
5	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2015-2016
II	Xây dựng, triển khai các đề án, chương trình, dự án, kế hoạch trọng điểm phát triển nông nghiệp nông dân, nông thôn:			
1	Xây dựng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016
2	Xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại, đẩy mạnh tiêu thụ và xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực tỉnh Gia Lai giai đoạn (2016 - 2020).	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT	2016
3	Xây dựng Chương trình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Y tế, Sở Công Thương	Hàng năm

4	Xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Gia Lai.	Sở Khoa học và công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, tx, thành phố	2016
5	Xây dựng các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch thuộc lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn	Các sở ngành chức năng	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Theo chỉ đạo của Trung ương
III Về cơ chế, chính sách:				
	Triển khai các cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, chính quyền địa phương liên quan	Theo hướng dẫn của TW
IV Kiện toàn hệ thống tổ chức, tăng cường năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước:				
1	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của lực lượng Kiểm lâm và Đề án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016
2	Đề án sắp xếp lại các Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tài chính, Lao động-TB &XH, Nội vụ.	2016
3	Đề án đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn và cán bộ cấp tỉnh, huyện, thành phố, giai đoạn 2016 - 2020	Sở Nội vụ	Các Sở ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016

Handwritten signature